CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP

Ngày 30/09/2025	10,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	17.2%	**21.1%**	**31.3%**

DT thuần
Q3/25
235
tỷ VNĐ
QoQ: ▼40.0| -14.5%
YoY: ▲ 29.0| 14.1%

LN thuần
Q3/25
13.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.6| 658%
YoY: ▲ 3.78| 39.5%

LN sau thuế
Q3/25
11.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.1| 1808%
YoY: ▲ 3.32| 41.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.8%
YoY: +/-▲ 5.2%

ROE (TTM)
Q3/25
0.3%
YoY: +/-▲ 0.6%

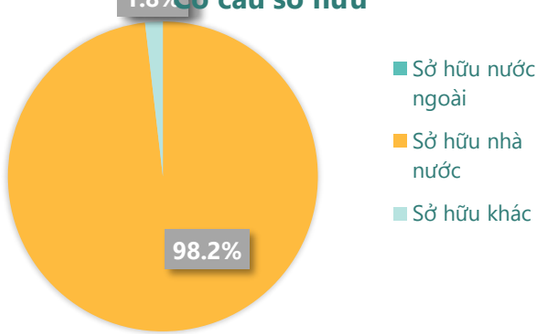
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,200 - 12,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	632
Số lượng CPLH (CP)	58,018,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,830
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.14
EPS	32
P/E	343.4

DT thuần
9T 2025
666
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 138| 26.3%

LN thuần
9T 2025
23.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.60| 47.5%

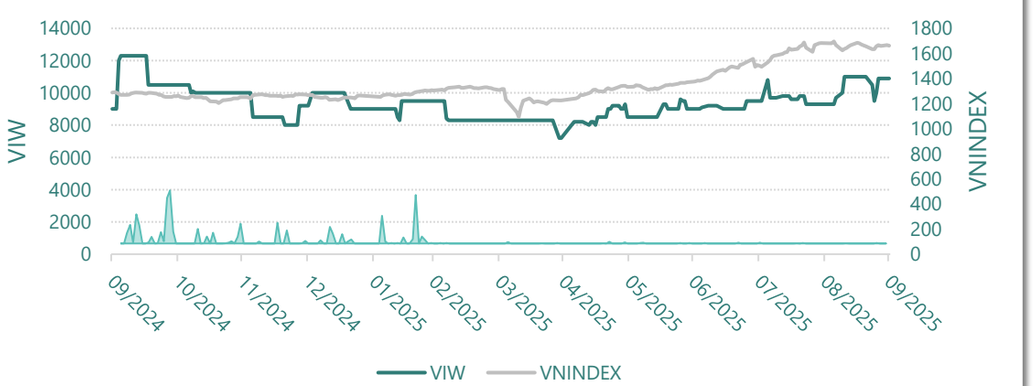
LN sau thuế
9T 2025
16.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.10| 42.3%

Cơ cấu sở hữu

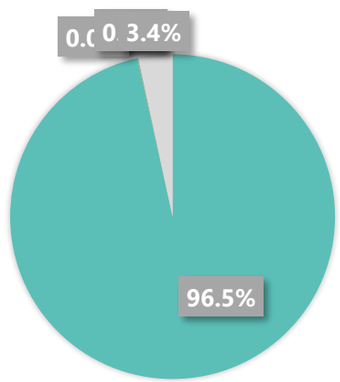


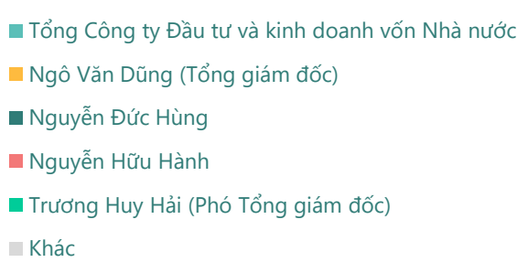
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

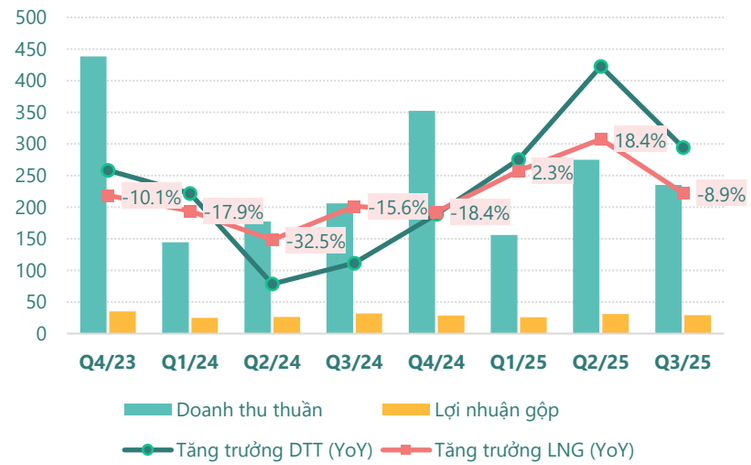




(Nguồn: fireant.vn)

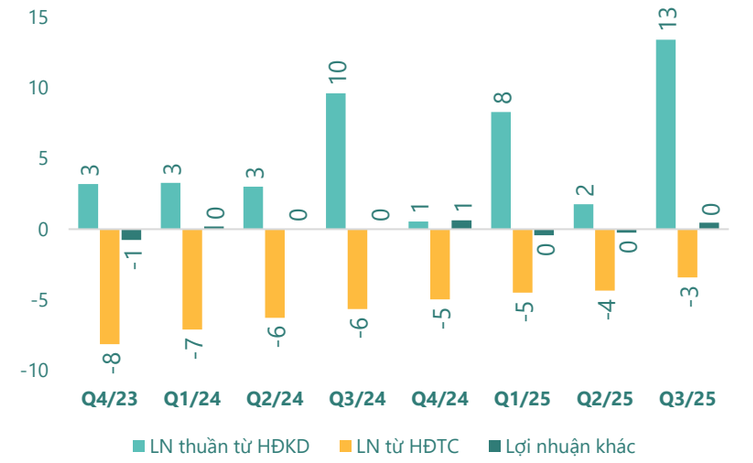
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



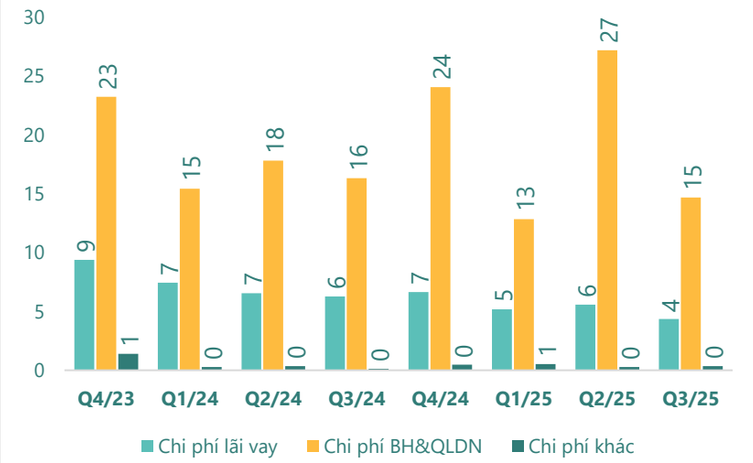
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



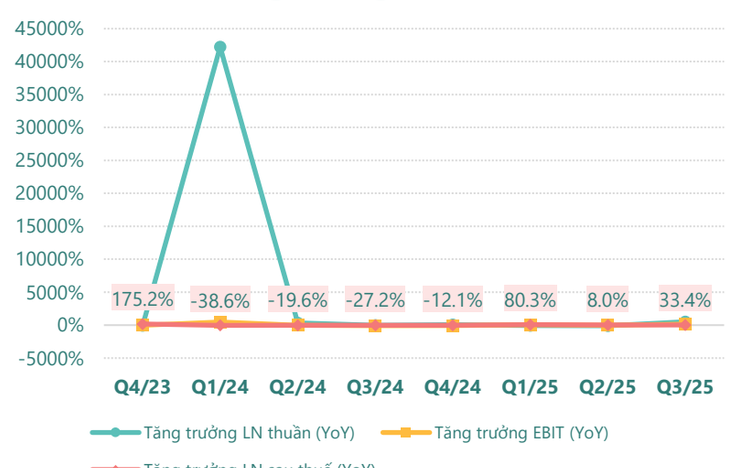
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



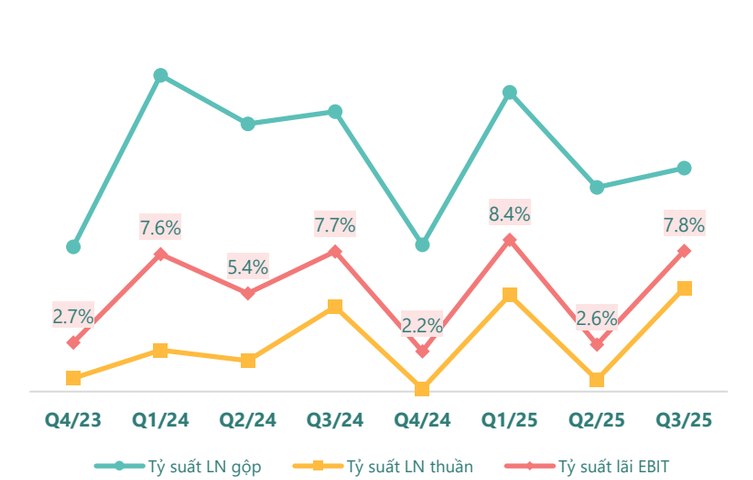
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



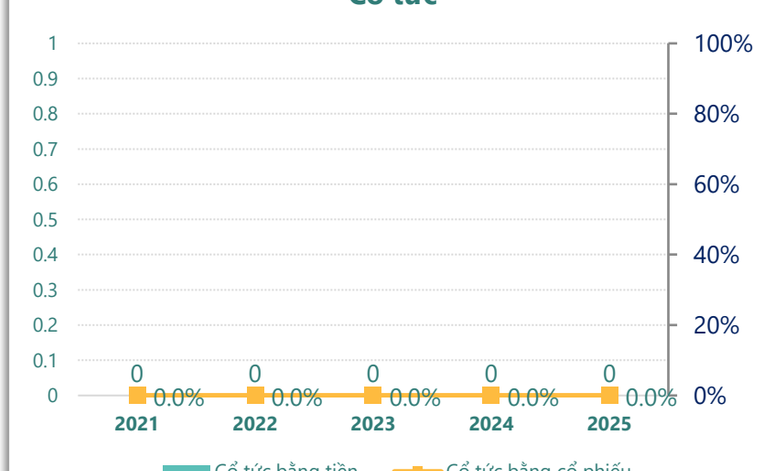
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

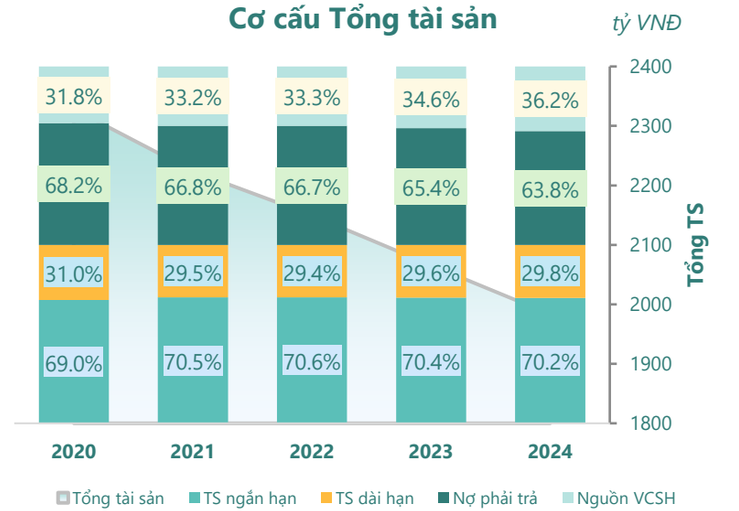
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

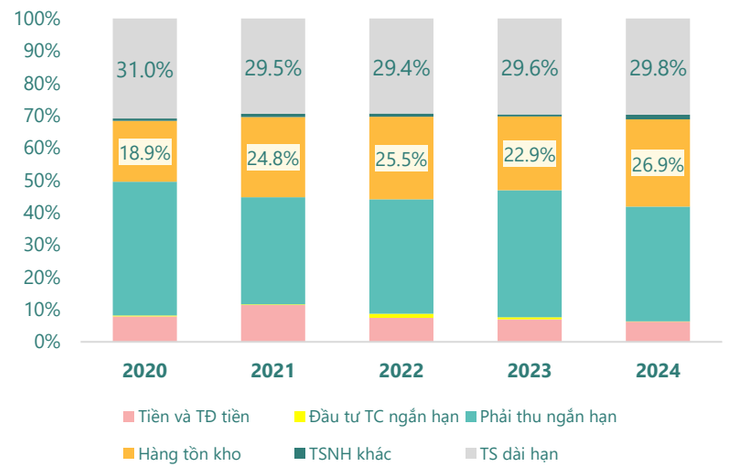
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



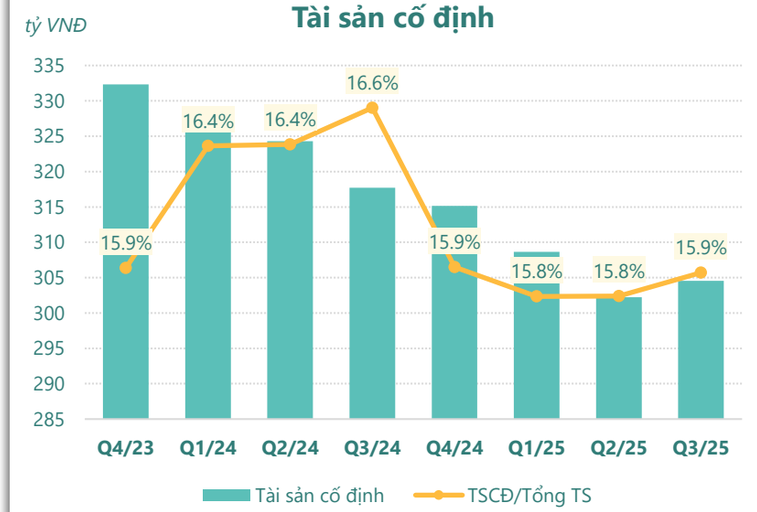
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



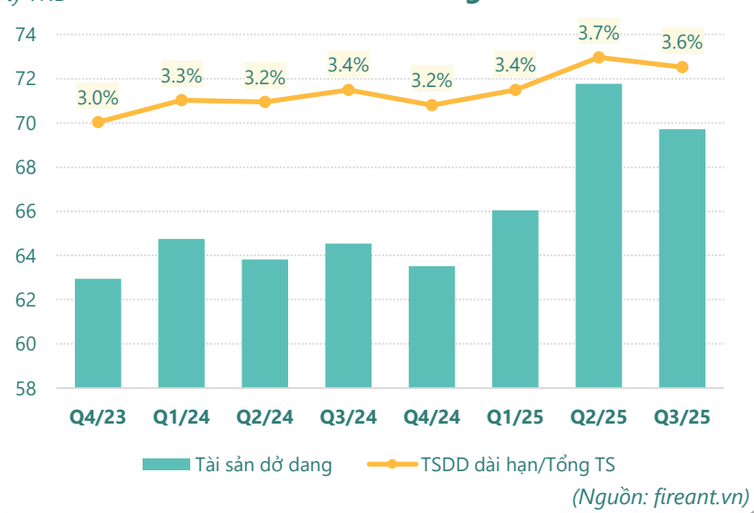
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



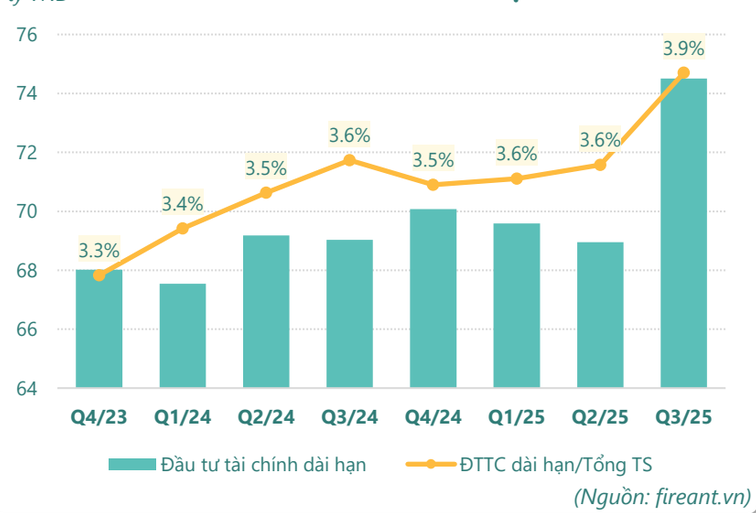
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



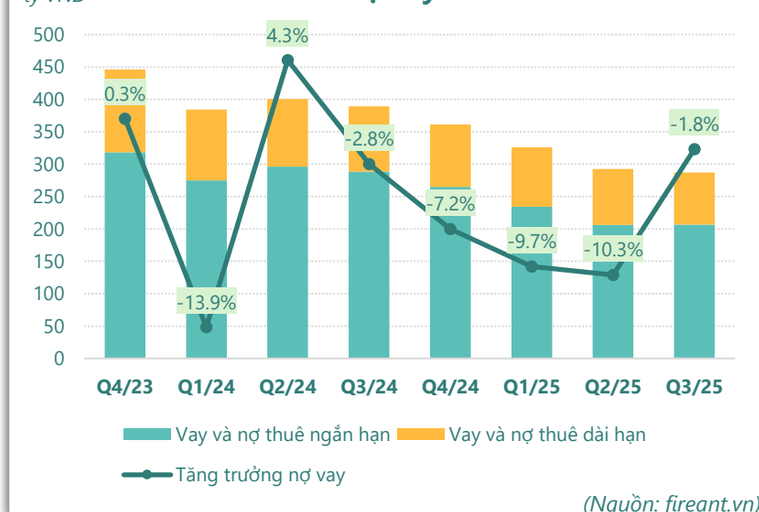
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

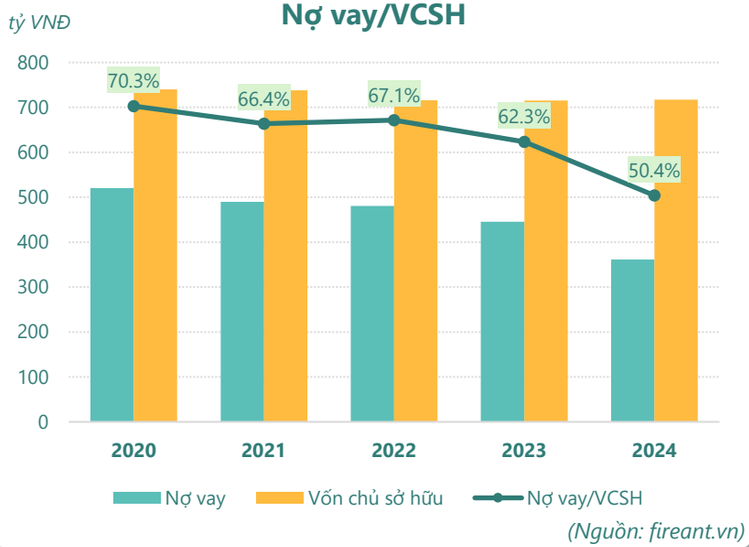
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

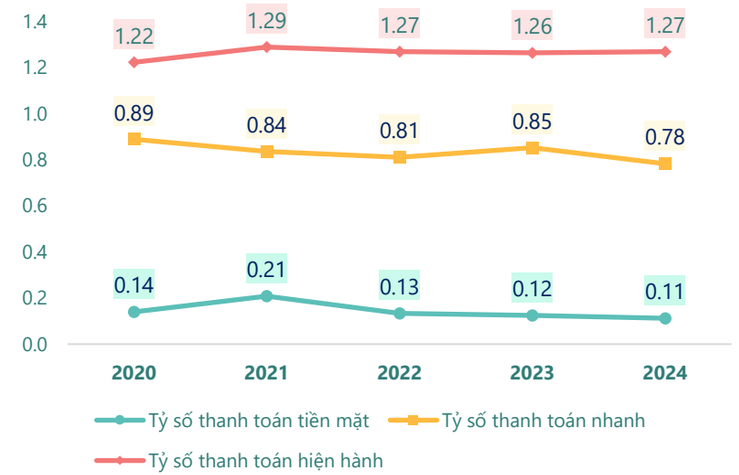
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



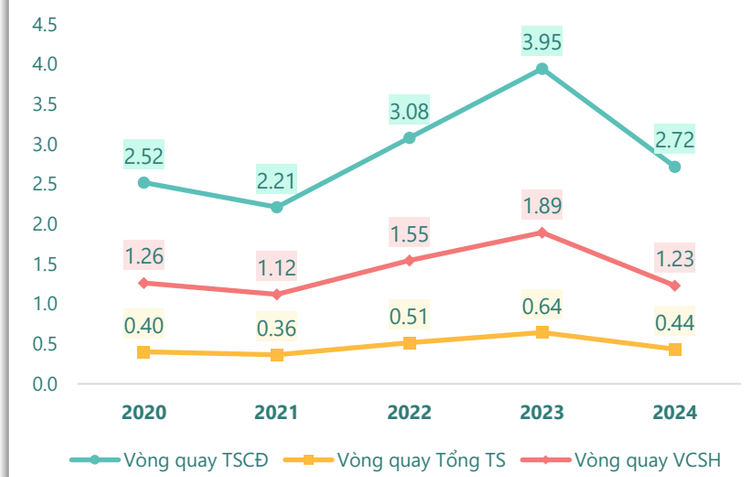
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



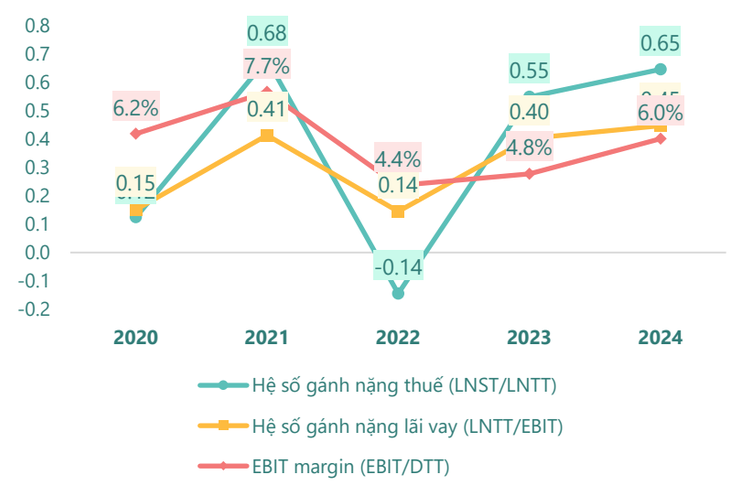
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



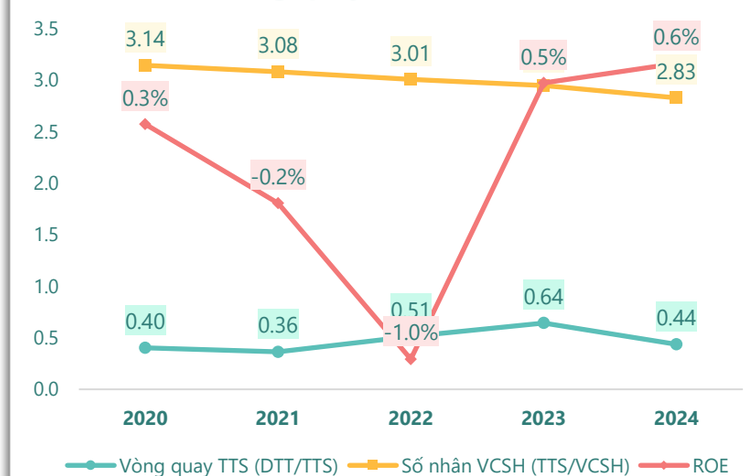
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



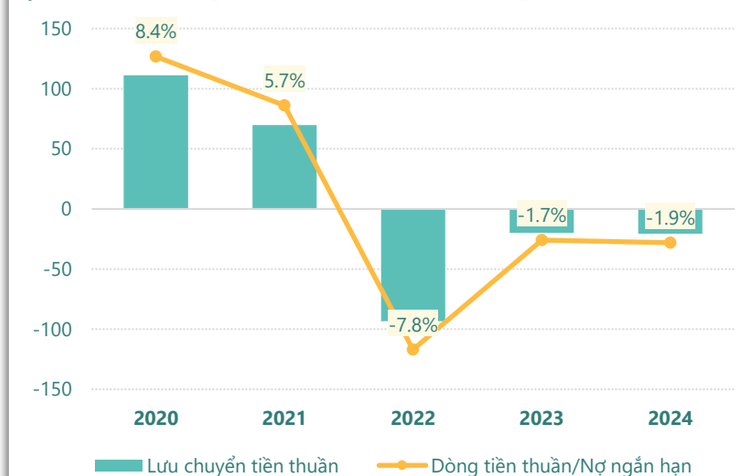
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**235**	**206**	**14.1%**	**666**	**528**	**26.3%**
Giá vốn hàng bán	206	174	18.5%	581	444	30.7%
Lợi nhuận gộp	29.0	31.8	-8.9%	85.7	83.1	3.1%
Doanh thu HĐTC	0.94	0.68	38.2%	2.88	1.78	61.8%
Chi phí TC	4.36	6.35	-31.3%	15.2	20.8	-27.2%
Chi phí lãi vay	4.36	6.28	-30.5%	15.1	20.3	-25.5%
LN trong công ty LKLD	**2.56**	**-0.15**	**1805%**	**4.83**	**1.49**	**225%**
Chi phí bán hàng	0.10	0.10	-3.1%	0.54	0.92	-41.6%
Chi phí QLDN	**14.6**	**16.3**	**-10.5%**	**54.2**	**48.7**	**11.3%**
LN thuần từ HĐKD	13.4	9.62	39.5%	23.5	15.9	47.5%
Lợi nhuận khác	**0.45**	**0.00**		**-0.22**	**0.22**	**-200%**
LN trước thuế	13.9	9.63	44.1%	23.3	16.1	44.2%
Lợi nhuận sau thuế	**11.4**	**8.08**	**41.6%**	**16.9**	**11.8**	**42.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.80**	**3.80**	**105%**	**8.52**	**4.34**	**96.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-25.3	14.8	46.7	6.16	50.7	-3.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.76	0.27	-0.80	-37.4	32.6	27.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.49	-3.74	-33.8	-35.4	-37.1	-2.38
Tiền đầu kỳ	124	101	112	123	56.7	103
Lưu chuyển tiền thuần	**-23.5**	**11.3**	**12.0**	**-66.6**	**46.2**	**22.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0	-0.05	0	0.03	0
Tiền cuối kỳ	101	112	124	56.7	103	125

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,920**	**1,983**	**-3.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,336	1,393	-4.1%
Tiền và tương đương tiền	125	123	1.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.53	2.01	25.9%
Phải thu ngắn hạn	629	705	-10.8%
Hàng tồn kho	554	534	3.8%
Tài sản ngắn hạn khác	25.4	28.6	-10.9%
Tài sản dài hạn	**584**	**590**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	2.11	2.11	0.0%
Tài sản cố định	305	315	-3.4%
Bất động sản đầu tư	120	125	-4.4%
Tài sản dở dang	69.7	63.5	9.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	74.5	69.7	6.9%
Tài sản dài hạn khác	**13.1**	**14.3**	**-7.9%**
Lợi thế thương mại	0.06	0.23	-75.0%
Nợ phải trả	1,190	1,266	-6.0%
Nợ ngắn hạn	**1,041**	**1,097**	**-5.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	207	265	-22.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	422	467	-9.5%
Nợ dài hạn	149	169	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.4	96.2	-16.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**730**	**717**	**1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**730**	**717**	**1.8%**
Vốn điều lệ	580	580	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.01**	**0.01**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)